

Bản án số: 32/2023/DS-ST

Ngày: 29/5/2023

*“V/v tranh chấp dân sự về hợp
đồng mua bán”.*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LAI VUNG, TỈNH ĐỒNG THÁP

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- **Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:** Bà Nguyễn Cao Diễm.

- **Các Hội thẩm nhân dân:**

Đặng Văn Hai;

Nguyễn Phát Triển.

- **Thư ký phiên tòa:** Ông Nguyễn Thái Vân An - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Lai Vung.

Ngày 29 tháng 5 năm 2023, tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân huyện Lai Vung xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 347/2022/TLST-DS, ngày 16/11/2022, về việc “Tranh chấp dân sự về hợp đồng mua bán” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 25/2023/QĐST-DS ngày 20/4/2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 315/2023/QĐST-DS, ngày 09/5/2023 giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Hộ H.

Người đại diện hộ kinh doanh bà Nguyễn T. Người đại diện theo ủy quyền của Nguyễn T là Trần D, sinh năm: 1997. Địa chỉ: xã T, huyện Lai Vung, tỉnh Đồng Tháp.

- **Bị đơn:** Nguyễn X, sinh năm: 1970; Nguyễn T, sinh năm: 1994, cùng địa chỉ: xã T, huyện Lai Vung, tỉnh Đồng Tháp.

Phạm N, sinh năm: 1997; địa chỉ: xã T, huyện Lai Vung, tỉnh Đồng Tháp.

(Nguyên đơn có mặt; bị đơn X, T, N vắng mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ và tại phiên tòa đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn Nguyễn N là Trần P trình bày:

Từ năm 2017 đến năm 2022 gia đình Nguyễn X; Nguyễn T; Phạm N có đến cửa hàng Hoàng Hoa để mua thuốc bảo vệ thực vật nhiều lần tính đến nay gia đình Nguyễn X; Nguyễn T; Phạm N còn nợ số tiền 29.895.000 đồng đến nay chưa trả, trong sổ sách ký nhận có anh T và chị N ký nhận còn ông X thì đứng ra mua hàng cho anh T và ký nợ cho anh T nhưng ký ghi họ tên anh T. Nay Nguyễn N yêu cầu Tòa án giải quyết buộc Nguyễn X; Nguyễn T; Phạm N cùng liên đới trả cho Nguyễn N số tiền nợ vốn 29.895.000 đồng, lãi 2.646.680 đồng, tổng cộng vốn và lãi là 32.541.680 đồng nhưng tại phiên Tòa Nguyễn N yêu cầu Nguyễn T; Phạm N cùng liên đới trả cho Nguyễn N số tiền nợ vốn 29.895.000 đồng, lãi 2.646.680 đồng, tổng cộng vốn và lãi là 32.541.680 đồng không yêu cầu Nguyễn X.

* Tại phiên hòa giải bị đơn Nguyễn T trình bày:

Anh T thừa nhận từ năm 2017 đến nay có đến cửa hàng Hoàng Hoa để mua thuốc bảo vệ thực vật tính nay thì còn nợ số tiền 29.895.000 đồng đến nay chưa trả nay anh T đồng ý trả cho Nguyễn N số tiền nợ 29.895.000 đồng, lãi 2.646.680 đồng, tổng cộng vốn và lãi là 32.541.680 đồng anh T hứa mỗi tháng trả 1.000.000đ cho đến khi hết nợ, anh T cũng thừa nhận là vợ anh T tên Phạm N có ký trong sổ mua bán của cửa hàng Hoàng Hoa và cha anh T là ông X cũng có đứng ra mua phân thuốc cho anh T nhưng thật tế là chỉ mua dùm vợ chồng anh T thôi do đó anh T và vợ anh T là Phạm N đồng ý trả nợ cho cửa hàng Hoàng Hoa số tiền 29.895.000 đồng, lãi 2.646.680 đồng, tổng cộng vốn và lãi là 32.541.680 đồng chứ anh T không đồng ý yêu cầu cha anh T trả nợ cùng vợ chồng anh T.

Bị đơn Nguyễn X; Phạm N đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần để tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải cũng như để tham gia phiên tòa theo giấy triệu tập của Tòa án mà vẫn cố tình vắng mặt, không có lý do chính đáng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Nguyễn N khởi kiện yêu cầu Nguyễn X; Nguyễn T; Phạm N trả tiền nợ mua bán, đây là vụ án tranh chấp dân sự về hợp đồng mua bán. Các đương sự cư trú tại huyện Lai Vung, tỉnh Đồng Tháp, cho nên thuộc thẩm quyền

giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Lai Vung theo quy định tại khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về sự vắng mặt của bị đơn Nguyễn X; Phạm N trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn Nguyễn X; Phạm N đã được triệu tập họp lệ nhiều lần để tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; thông báo kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ; quyết định đưa vụ án ra xét xử và quyết định hoãn phiên tòa nhưng đều vắng mặt không có lý do chính đáng. Căn cứ khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt bị đơn Nguyễn X; Phạm N.

[2] Về nội dung vụ án:

Nguyễn N yêu cầu Tòa án giải quyết buộc Nguyễn T; Phạm N cùng liên đới trả cho Nguyễn N số tiền nợ vốn 29.895.000 đồng, lãi suất 0,83% tính từ ngày 13/11/2021 đến ngày 03/10/2022 là 10 tháng 20 ngày x 29.895.000 đồng = 2.646.680 đồng, tổng cộng vốn và lãi là 32.541.680 đồng. Chứng cứ chứng minh cho yêu cầu của mình là sổ mua hàng có ký tên và ghi họ tên của anh T, chị N và anh T cũng thừa nhận là còn nợ số tiền trên và đồng ý trả số tiền này, Tòa án đã triệu tập họp lệ nhiều lần nhưng bị đơn Phạm N không đến Tòa án tham gia tố tụng cũng như không có văn bản ý kiến phản bác gì yêu cầu của nguyên đơn, xem như bị đơn đã từ bỏ quyền phản bác của mình nên Hội đồng xét xử căn cứ vào các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ để giải quyết, có đủ cơ sở để xác định Nguyễn T; Phạm N nợ tiền của Nguyễn N như trên nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của Nguyễn N là có căn cứ, đúng quy định pháp luật.

Đối với việc chị Nhị yêu cầu ông X cùng liên đới trả số tiền trên với anh T và chị N nhưng nay chị Nhị rút không yêu cầu ông X liên đới cùng với anh T và chị N trả số tiền trên nên Hội đồng xét xử đình chỉ một phần yêu cầu này.

Đối với tiền lãi khi mua bán không có thỏa thuận tiền lãi nhưng đến hạn trả nợ Nguyễn T; Phạm N không trả nên Nguyễn N tính tiền lãi trên số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả tính từ ngày 13/11/2021 đến ngày 03/10/2022 là 10 tháng 20 ngày x 0.83% x 29.895.000 đồng = 2.646.680 đồng, tổng cộng vốn và lãi là 32.541.680 đồng nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của Nguyễn N là có căn cứ, đúng quy định pháp luật.

[4] Về án phí: Do yêu cầu của nguyên đơn được Tòa án chấp nhận nên bị đơn phải nộp toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm là có căn cứ, phù hợp với khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 430, Điều 440, Điều 468, Điều 688 Bộ luật dân sự năm 2015; khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 91, khoản 2 Điều 92, Điều 147, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu của Nguyễn N.
2. Buộc Nguyễn T; Phạm N liên đới trả cho Nguyễn N số tiền nợ vốn là 29.895.000 đồng, lãi 2.646.680 đồng, tổng cộng vốn và lãi là 32.541.680 đồng (ba mươi hai triệu, năm trăm bốn mươi một nghìn, sáu trăm tám mươi đồng).

3. Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) mà người phải thi hành án chưa thi hành xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi xuất quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật dân sự 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

4. Đình chỉ một phần yêu cầu về việc Nguyễn N không yêu cầu Nguyễn X cùng liên đới trả số tiền trên với Nguyễn T; Phạm N.

5. Về án phí, tạm ứng án phí:

- Nguyễn T; Phạm N phải nộp 1.627.000 đồng (Một triệu, sáu trăm hai mươi bảy nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

- Nguyễn N không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả cho Nguyễn N tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 813.700 đồng (tám trăm mười ba nghìn, bảy trăm đồng) theo Biên lai thu tạm ứng lệ phí, án phí Tòa án số 0015512, ngày 14/11/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Lai Vung, tỉnh Đồng Tháp.

5. Các đương sự được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án (29/5/2023). Đối với đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo 15 ngày được tính từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đồng Tháp;
- VKSND huyện Lai Vung;
- CC THADS huyện Lai Vung;
- Các đương sự;
- Lưu: HSVA, VT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Cao Diễm